

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

Số: 166 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước
tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành

Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 252/TTr-SNV ngày 21/3/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

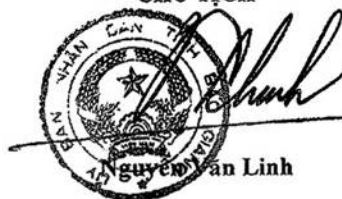
Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh (SNV: 03b);
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, NC.

Bản điện tử:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Thành viên BCĐ CCHC tỉnh;
- CVP, PVPNC, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bắc Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2016

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 166/QĐ- UBND ngày 24/3/2016
của UBND tỉnh Bắc Giang)*

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn II (2016 - 2020). Trong đó, tập trung thực hiện các trọng tâm cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020 là: Cải cách thể chế; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công.

- Khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện giai đoạn 2011 - 2015 của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ.

2. Yêu cầu

- Giám đốc các Sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo, triển khai có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch này, nhằm bảo đảm nâng cao năng lực, kỹ năng thực thi công vụ, ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; gắn cải cách hành chính với thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chuyên môn đề ra.

- Trên cơ sở Kế hoạch giai đoạn chung của tỉnh, các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch phù hợp với yêu cầu, tình hình cụ thể của mỗi cơ quan, đơn vị.

II. NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Cải cách thể chế

Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác tham mưu, thẩm định, soạn xét, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, nhằm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, ổn định và thống nhất của các văn bản quy phạm pháp luật, qua đó góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước trong các lĩnh vực.

a) Tiếp tục kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường công tác đôn đốc, theo dõi, nhắc nhở kịp thời phát hiện, xử lý các văn bản trái pháp luật.

b) Tiếp tục ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương,

c) Thể chế hóa nguyên tắc phân công, phối hợp của các cơ quan, nhằm tăng cường hiệu quả quản trị hành chính nhà nước; tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước, các thiết chế trong hệ thống chính trị.

d) Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong quá trình tham mưu, ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm loại bỏ tình trạng lợi ích cục bộ trong quá trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 đảm bảo đúng theo kế hoạch của tỉnh; thực hiện nghiêm túc trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cải cách thủ tục hành chính theo đúng Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực như: Đầu tư; đất đai; xây dựng; sở hữu nhà ở; thuế; hải quan; xuất khẩu; nhập khẩu; y tế; tiếp cận điện năng; quản lý thị trường, góp phần giải phóng nguồn lực xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 80% vào năm 2020.

c) Tăng cường xây dựng và hoàn thiện các hình thức công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính; công khai thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử; niêm yết thủ tục hành chính tại trụ sở cơ quan, đơn vị nơi trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện cho việc tra cứu, khai thác của người dân và doanh nghiệp.

d) Triển khai thiết lập và đưa vào vận hành hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các cấp chính quyền.

g) Tập trung cải cách thủ tục hành chính trong nội bộ các cơ quan nhà nước, tổ chức sự nghiệp công lập, dịch vụ công và các thủ tục hành chính liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp;

h) Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại đảm bảo hoạt động rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ quy trình, tạo sự hài lòng cho người dân, doanh nghiệp. Đảm bảo đạt từ 90% số thủ tục hành chính của các sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã được giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Nghiên cứu rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập), sắp xếp lại các cơ quan, tổ chức bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển.

b) Phân loại các cơ quan hành chính làm cơ sở xác định tổ chức, bộ máy phù hợp với yêu cầu quản lý và nâng cao chất lượng cung ứng các nhu cầu cơ bản thiết yếu phục vụ nhân dân. Những nhiệm vụ mà cơ quan nhà nước không cần thiết phải trực tiếp thực hiện hoặc thực hiện không có hiệu quả thì chuyển sang các tổ chức ngoài nhà nước đảm nhận.

d) Tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp quản lý trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo nguyên tắc cơ quan hành chính nhà nước cấp trên thực hiện những việc mà cơ quan hành chính nhà nước cấp dưới làm không hiệu quả. Xác định rõ ràng, minh bạch các mục tiêu, yêu cầu, nguyên tắc, điều kiện và chế tài các quy định phân cấp.

đ) Tiếp tục cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công; bảo đảm sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80% vào năm 2020.

e) Phân loại đơn vị sự nghiệp để thực hiện các hình thức chuyển đổi phù hợp (hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, cổ phần hóa, hợp tác công tư...). Đẩy mạnh xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập có khả năng tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động (trường học, cơ sở dạy nghề, bệnh viện...) theo hướng tiếp tục đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, nhân sự và khuyến khích thành lập các tổ chức cung ứng dịch vụ công thuộc các thành phần ngoài nhà nước, nhất là lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ. Tăng cường kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước và nhân dân đối với hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của tỉnh. Đến năm 2020, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ; 100% các cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm.

b) Đề cao trách nhiệm và đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

c) Đổi mới phương thức tuyển dụng công chức, viên chức về quy trình, thẩm quyền, trách nhiệm và có quy định về xử lý các vi phạm; tiếp tục tổ chức đổi mới và thí điểm phương thức tuyển chọn lãnh đạo, quản lý.

d) Đổi mới công tác thống kê, báo cáo và quản lý hồ sơ công chức, viên chức.

đ) Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

e) Thực hiện nghiêm Quyết định số 195/2015/QĐ- UBND ngày 12/5/2015 ban hành Quy định quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Giang. Thực hiện hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh gắn với tiêu chuẩn, chức danh theo vị trí việc làm, tập trung đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ; kiến thức, kỹ năng làm việc, phương pháp xử lý tình huống cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Rà soát lại các chương trình đào tạo cán bộ, công chức, viên chức, loại bỏ những nội

dung đào tạo trùng lặp, để công tác đào tạo, bồi dưỡng mang lại lợi ích thiết thực, không lãng phí. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, sự nghiệp phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế. Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học tập và tự học, không ngừng nâng cao trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao.

g) Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu các sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện, thành phố trong thi hành công vụ, đảm bảo chặt chẽ, cụ thể. Đổi mới công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục, tiêu chí, thẩm quyền đánh giá và phân loại. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị đánh giá cán bộ theo tháng, lấy kết quả công việc làm tiêu chí đánh giá.

h) Áp dụng công nghệ thông tin, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong công tác tuyển dụng, nâng ngạch, thăng hạng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức.

5. Cải cách tài chính công

a) Kiểm soát chặt chẽ ngân sách nhà nước chi thường xuyên và đầu tư công.

b) Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị hành chính và sự nghiệp.

c) Tiếp tục thực hiện Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của chính phủ quy định về cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Đổi mới căn bản cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ theo hướng lấy mục tiêu và hiệu quả ứng dụng là tiêu chuẩn hàng đầu

e) Đẩy mạnh xã hội hóa, hoàn thiện thể chế và tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư theo hình thức công - tư (PPP) đối với việc cung cấp dịch vụ công trong y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình dự án cơ sở hạ tầng.

g) Chuẩn hóa chất lượng dịch vụ giáo dục, đào tạo, y tế; rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công.

6. Hiện đại hóa hành chính

a) Hoàn thiện Cổng dịch vụ công của tỉnh để tích hợp tất cả các dịch vụ công trực tuyến của các sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

b) Triển khai xây dựng Chính quyền điện tử theo Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong quy trình xử lý công việc của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân. Phát triển, tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin, tạo lập môi trường mạng, chia sẻ thông tin rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước.

c) Phát triển các hệ thống thông tin thiết yếu cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp; bảo đảm triển khai đồng bộ với việc phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

d) Nâng cao chất lượng phục vụ và tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước thông qua đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, tổ chức; cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ cá nhân và tổ chức mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau. Ứng dụng công nghệ thông tin để giảm thời gian, số lần trong một năm cá nhân, tổ chức phải đến trực tiếp cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính.

Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2016 - 2020: 30% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tại mức độ 4; 95% hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp được nộp qua mạng; 90% số doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua mạng; 90% cơ quan, tổ chức thực hiện giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia Bảo hiểm xã hội; tỷ lệ cấp đăng ký doanh nghiệp qua mạng đạt 20%; tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đầu tư qua mạng đạt 10%.

- 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng chữ ký số, chứng thư số trong gửi, nhận văn bản điện tử, hồ sơ điện tử; 100% văn bản, tài liệu chính thức (trừ văn bản, tài liệu mật) trao đổi giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được gửi, nhận dưới dạng điện tử trên môi trường mạng và được xác thực điện tử; 100% các văn bản chính thức, tài liệu chính thức (trừ văn bản, tài liệu mật) được quét, lưu dưới dạng điện tử và cập nhật vào hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp của cơ quan; 100% cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước xử lý công việc trên mạng máy tính thông qua hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp của cơ quan.

e) Xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan hành chính theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, ưu tiên triển khai ISO điện tử.

7. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

a) Tăng cường năng lực chỉ đạo, điều hành gắn với đẩy mạnh tham mưu, tổng hợp, triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh. Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 07/CT-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực trọng tâm và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về công tác cải cách hành chính và hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp.

b) Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, lấy ý kiến của người dân, tổ chức về kết quả cải cách hành chính. Triển khai xác định và công bố Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. Triển khai xác định và công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính; Chỉ số hài lòng về chất lượng y tế; Chỉ số hài lòng về chất lượng giáo dục công lập.

c) Tăng cường năng lực công chức chuyên trách cải cách hành chính.

d) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, kiểm tra cải cách hành chính.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Trên cơ sở Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm để triển khai thực hiện phù hợp yêu cầu thực tế của các sở, ngành, địa phương; định kỳ báo cáo sơ kết, tổng kết, báo cáo theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

- Chủ động chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của Sở, ngành, địa phương.

- Các Sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, tăng cường phối hợp, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, ngành mình. Chủ động đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh và Sở Nội vụ về những nhiệm vụ trọng tâm cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, ngành cần có sự phối hợp, đôn đốc, chỉ đạo liên ngành.

2. Sở Nội vụ

Là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, đánh giá, kiểm tra các Sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 bảo đảm chất lượng, hiệu quả và yêu cầu, tiến độ quy định;

- Đôn đốc các thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh triển khai kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

- Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch theo quy định. Nghiên cứu, đề xuất với tỉnh và Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh xử lý những khó khăn, vướng mắc của các Sở, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện kế hoạch cải cách hành chính. Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá và đề xuất các giải pháp đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch;

- Chủ trì triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chỉ số hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước;

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức chuyên trách thực hiện công tác cải cách hành chính ở các Sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tổng kết, khen thưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016- 2020 của tỉnh.

3. Sở Tư pháp

- a) Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế;
- b) Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- c) Chủ trì triển khai nội dung cải cách thủ tục hành chính;
- d) Chủ trì xây dựng và hướng dẫn thực hiện phương pháp tính chi phí thực hiện thủ tục hành chính;

4. Sở Tài chính

- a) Chủ trì đổi mới cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công;
- b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định kinh phí thực hiện kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan và địa phương, tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền quyết định; chủ trì hướng dẫn các Sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- a) Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) để thực hiện kế hoạch;
- b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan đề ra các giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI);

6. Sở Thông tin và Truyền thông

- a) Chủ trì triển khai nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;
- b) Phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 – 2020.

7. Sở Y tế

- Chủ trì xây dựng và hướng dẫn việc thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công;

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì xây dựng và hướng dẫn việc thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công.

9. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu, đổi mới, quản lý và triển khai thực hiện có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch


Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đổi mới cơ chế, chính sách xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch.

11. Trường Chính trị tỉnh và hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Chủ trì lồng ghép các nội dung cải cách hành chính vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức.

12. Báo Bắc Giang, Đài Truyền hình tỉnh, các sở, ngành, ủy ban nhân dân huyện

Xây dựng chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính để tuyên truyền kế hoạch và phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về cải cách hành chính của các Sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh. /

Nơi nhận: 

- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh (SNV: 03b);
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, NC.

Bản điện tử:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Thành viên BCĐ CCHC tỉnh;
- CVP, PVPNC, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Văn Linh